

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông G trả 140.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa sơ thẩm anh P có đơn xin được xét xử vắng mặt do bận công việc và Anh giữ nguyên yêu cầu trong đơn kiện.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: Giấy vay tiền ngày 15/02 và 26/5/2020 (bản chính viết tay); đơn xin xác nhận nơi cư trú bị đơn ngày 25/9/2020 (bản chính); giấy CMND của anh P (bản sao), ông G (bản photo), sổ HKGD hộ Trần Thị Minh; phiếu gửi chuyển phát nhanh ngày 25/9/2020; đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 02/12/2020.

* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông G vắng mặt: Để giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng trình tự thủ tục tố tụng nhưng ông G luôn vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tổng đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định, Tòa án tiến hành đến địa phương lấy khai ông G nhưng vẫn không được. Do đó, bị đơn không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ trong vụ án và cũng không tiến hành hòa giải được với nguyên đơn.

* Tại phiên tòa sơ thẩm đương sự không xuất trình chứng cứ nào mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn P khởi kiện yêu cầu trả 140.000.000đ, bị đơn ông Nguyễn Đăng Trường G vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp Hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; thời điểm xác lập giấy vay tiền ông G có địa chỉ Phường A, thành phố V. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; **khoản 3 Điều 228, Điều 238** của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn P.

Anh P yêu cầu ông G trả 140.000.000đ, chứng cứ để anh P xác định yêu cầu là 02 (hai) giấy vay tiền của ông G. Khi thực hiện thủ tục khởi kiện nguyên đơn đã gửi hồ sơ kiện cho ông G, khi giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho ông G biết về yêu cầu khởi kiện của anh P, các thủ tục tố tụng đã được tổng đạt hợp lệ theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng Ông vẫn vắng mặt, đồng thời cũng không có ý kiến gì phản đối. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận tình tiết ông G nợ anh P là sự thật không cần phải chứng minh. Chứng cứ nguyên đơn đưa ra để xác định yêu cầu là có căn cứ và hợp pháp nên anh P yêu cầu ông G trả 140.000.000đ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tiền lãi: Anh P không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh P yêu cầu ông G trả 140.000.000đ được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (với mức thu 05% của giá trị tranh chấp) là 7.000.000đ. Anh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho anh P tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 351, 463, 466, khoản 2 Điều 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, **khoản 3 Điều 228, Điều 238** của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn P;

Buộc ông Nguyễn Đăng Trường G có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn P 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng);

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải

trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1/ Buộc ông Nguyễn Đăng Trường G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 7.000.000đ (bảy triệu đồng);

2.2/ Anh Trần Văn P được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp 3.500.000đ (ba triệu, năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số N⁰ 0005745 ngày 08/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- THADS TPV;
- VKSND TPV;
- TAND tỉnh VL;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Loan

